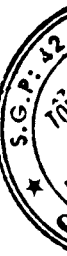


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2007)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2007)
Ông Trần Văn Kim	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2007)
Ông Tôn Thiện Việt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2007)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2007)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2007)
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2007)
Ông Bùi Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2007)
Ông Trần Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2007)
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2007, miễn nhiệm ngày 2 tháng 11 năm 2007)
Ông Bùi Vạn Thuận	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2007)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 2008

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 7, phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Tổng Công ty ghi nhận phần chênh lệch giá trị tài sản do xác định lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm Dầu khí là tài sản cố định vô hình khác theo quy định tại Thông tư số 40/2004/TT-BTC ngày 13/5/2004 của Bộ Tài chính về "hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần" và chưa trích khấu hao. Mặc dù vậy, việc ghi nhận tài sản cố định vô hình này chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 "Tài sản cố định vô hình". Tổng Công ty đã có công văn gửi Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn về hạch toán và khấu hao hoặc phân bổ đối với khoản chênh lệch này. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Bộ Tài chính chưa có văn bản trả lời. Theo đó, nếu Bộ Tài chính trả lời thì Tổng Công ty có thể phải thực hiện phân bổ hoặc khấu hao làm cho chi phí trong kỳ tăng lên và lãi giảm tương ứng.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 2008

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU SỐ B 01-DNBH
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		3.702.303.747.883	755.392.111.201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.158.716.050.708	59.737.141.989
1. Tiền mặt tại quỹ	111		1.486.264.359	2.460.845.663
2. Tiền gửi ngân hàng	112		312.942.541.267	57.255.996.326
3. Tiền đang chuyển	113		192.245.082	20.300.000
4. Các khoản tương đương tiền	114		844.095.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	2.172.969.980.000	582.158.374.692
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		254.674.361.692	158.374.692
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		1.931.200.000.000	582.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.904.381.692)	-
III. Các khoản phải thu	130		355.816.137.661	98.688.335.574
1. Phải thu khách hàng	131	5	332.058.957.795	91.906.033.595
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		178.340.669	496.946
3. Các khoản phải thu khác	138		25.907.451.358	6.781.805.033
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.328.612.161)	-
IV. Tài sản lưu động khác	150		14.801.579.514	14.808.258.946
1. Tạm ứng	151		9.244.316.430	4.497.394.237
2. Chi phí trả trước	152		5.389.139.729	5.282.021.559
3. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		168.123.355	5.028.843.150
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+230+240)	200		816.967.225.734	439.891.905.709
I. Tài sản cố định	210		272.444.489.100	259.085.805.739
1. Tài sản cố định hữu hình	211	6	55.775.237.135	44.529.541.349
<i>Nguyên giá</i>	212		88.312.294.273	68.670.361.420
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	213		(32.537.057.138)	(24.140.820.071)
2. Tài sản cố định vô hình	217	7	216.669.251.965	214.556.264.390
<i>Nguyên giá</i>	218		217.881.939.503	214.887.813.813
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	219		(1.212.687.538)	(331.549.423)
II. Các khoản đầu tư dài hạn	220		531.403.951.263	172.970.585.033
1. Đầu tư vào công ty liên kết	222	8	125.489.397.112	-
2. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228	9	405.914.554.151	172.970.585.033
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		7.118.785.371	4.335.514.937
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		6.000.000.000	3.500.000.000
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	3.500.000.000
TỔNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		4.519.270.973.617	1.195.284.016.910

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		2.764.876.874.827	477.068.116.511
I. Nợ ngắn hạn	310		198.694.279.217	129.025.864.825
1. Phải trả cho người bán	313	10	141.641.195.089	71.871.823.069
2. Người mua trả tiền trước	314		116.693.520	2.455.078.015
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315		678.417.004	787.546.089
4. Phải trả công nhân viên	316		8.449.852.893	11.124.017.460
5. Các khoản phải trả phải nộp khác	318	11	47.808.120.711	42.787.400.192
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	12	427.824.276.109	345.870.118.672
1. Dự phòng phí	331		243.385.826.069	153.796.630.350
2. Dự phòng bồi thường	333		43.625.561.313	41.166.720.916
3. Dự phòng dao động lớn	334		140.812.888.727	150.906.767.406
III. Nợ khác	340		2.138.358.319.501	2.172.133.014
1. Phải trả dài hạn khác	341	13	2.137.129.102.876	17.206.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	343		1.229.216.625	2.154.927.014
B. NGUỒN VỐN (400=410+420)	400	14	1.754.394.098.790	718.215.900.399
I. Nguồn vốn, quỹ	410		1.743.068.552.334	715.970.308.151
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		1.553.000.273.800	447.285.956.076
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	413		-	213.785.395.213
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		-	33.949.507.075
4. Quỹ dự phòng tài chính	415		-	10.911.228.955
5. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		12.498.244.071	7.026.720.832
6. Lợi nhuận chưa phân phối	418		177.570.034.463	-
7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419		-	3.011.500.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		11.325.546.456	2.245.592.248
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	422		11.325.546.456	2.245.592.248
TỔNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		4.519.270.973.617	1.195.284.016.910

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu số B01 –DNBH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2007	31/12/2006
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	355.760.992.109	488.962.223.111
2. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	3.399.480,18	2.438.516,44
Đô la Úc	AUD	8.600,66	8.600,66
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	4.065,60	11.516,76



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU SỐ B 02 A-DNBH
Đơn vị: VND

PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2007	Năm 2006
1. Thu phí bảo hiểm gốc	1	1.598.791.062.359	1.163.877.338.093
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	2	86.387.148.923	49.616.835.936
3. Các khoản giảm trừ	3	(1.154.641.341.425)	(872.143.643.481)
<i>Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm</i>	4	(1.116.379.912.137)	(870.376.614.027)
<i>Hoàn phí</i>	5	(37.220.734.843)	(1.277.035.514)
<i>Các khoản giảm trừ khác</i>	7	(1.040.694.445)	(489.993.940)
4. (Tăng) dự phòng phí	8	(89.589.195.719)	(66.005.697.783)
5. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9	58.032.454.431	31.322.757.522
6. Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	3.981.047.887	91.649.636
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14	502.961.176.456	306.759.239.923
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15	(417.659.399.366)	(158.045.387.139)
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16	(78.212.072.866)	(29.136.379.055)
10. Các khoản giảm trừ:	17	344.096.442.509	110.480.020.677
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	18	342.240.906.647	110.008.102.882
<i>Thu đòi người thứ ba</i>	19	1.855.535.862	471.917.795
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21	(151.775.029.723)	(76.701.745.517)
12. Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	22	36.672.756.894	33.478.569.721
13. (Tăng) dự phòng bồi thường	23	(2.458.840.397)	(6.996.681.123)
14. Trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	(26.578.878.215)	(85.460.131.122)
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25	(70.702.629.609)	(42.758.991.434)
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26	(48.928.392.018)	(29.396.646.686)
+ <i>Chi hoa hồng</i>	27	(22.110.354.220)	(10.248.770.506)
+ <i>Chi giám định tổn thất</i>	28	(1.836.003.302)	(1.673.495.477)
+ <i>Chi khác</i>	33	(24.982.034.496)	(17.474.380.703)
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34	(21.774.237.591)	(13.362.344.748)
+ <i>Chi hoa hồng</i>	35	(18.301.157.207)	(13.000.213.511)
+ <i>Chi khác</i>	38	(3.473.080.384)	(362.131.237)
16. Tổng chi trực tiếp kinh doanh bảo hiểm	41	(214.842.621.050)	(178.438.979.475)
17. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42	288.118.555.406	128.320.260.448
18. Chi phí bán hàng	43	(160.924.619.841)	(86.350.411.578)
19. Chi phí quản lý	44	(79.296.598.246)	(35.569.606.709)
20. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45	47.897.337.319	6.400.242.161
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	284.242.900.961	61.116.078.542
22. Chi phí hoạt động tài chính	47	(86.685.984.990)	(7.327.269.619)
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51	197.556.915.971	53.788.808.923
24. Lợi nhuận hoạt động khác	54	4.510.628.132	21.779.089
25. Lợi nhuận kế toán	55	249.964.881.422	60.210.830.173
26. Thuế thu nhập doanh nghiệp	60	-	(16.172.870.990)
27. Lợi nhuận thuần trong công ty liên kết		89.397.112	-
28. Lợi nhuận sau thuế	61	250.054.278.534	44.037.959.183
29. Lãi trên cổ phiếu	70	3.944	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu số B02a –DNBH
Đơn vị: VND

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp tại	Phát sinh trong năm 2007		Số còn phải nộp tại
	ngày 01/01/2007	Số phải nộp	Số đã nộp	ngày 31/12/2007
Thuế GTGT hàng bán nội địa	452.876.483	121.058.555.352	121.285.378.184	226.053.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	136.656.415	3.923.916.004	4.300.211.888	(239.639.469)
Thuế, phí phải nộp khác	198.013.190	3.183.994.003	2.690.004.371	692.002.822
	787.546.088	128.166.465.359	128.275.594.443	678.417.004

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm 2007 là số thuế phải nộp và đã nộp bổ sung theo kết quả quyết toán thuế năm 2006.



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 2008

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03 –DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2007	Năm 2006
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu phí và hoa hồng	1	1.445.108.627.574	990.248.597.769
2 Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	2	144.027.417.154	91.329.409.146
3 Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	3	5.761.989.575	42.653.306.400
4 Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4	7.127.824.720.313	182.993.297.540
5 Trả tiền bồi thường bảo hiểm	5	(301.878.791.141)	(139.637.118.792)
6 Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh BH	6	(909.363.675.041)	(619.472.417.377)
7 Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	7	(187.873.189.646)	(87.673.581.862)
8 Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	8	(43.826.526.230)	(28.310.620.423)
9 Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	9	(128.365.809.364)	(105.941.938.617)
10 Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(6.697.784.509.145)	(229.180.405.553)
11 Tiền tạm ứng cho CBCNV và ứng trước cho người bán	11	(27.167.285.985)	(11.631.481.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	426.462.968.064	85.377.046.932
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	49.594.340.943	404.390.420.196
2 Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	24.327.513.119	35.484.168.861
3 Tiền thu do bán tài sản cố định	23	5.000.000	16.150.000
4 Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(461.129.180.741)	(835.945.745.687)
5 Tiền mua tài sản cố định	25	(24.075.956.743)	(15.389.265.956)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(411.278.283.422)	(411.444.272.586)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu do đi vay	31	15.000.000.000	-
2 Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	1.105.714.317.724	350.973.176.743
3 Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	13.065.906.353	2.239.929.337
4 Tiền đã trả nợ vay	34	(15.000.000.000)	-
5 Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(34.986.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.083.794.224.077	353.213.106.080
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.098.978.908.719	27.145.880.426
Tiền tồn đầu năm	60	59.737.141.989	32.591.261.563
Tiền tồn cuối năm	70	1.158.716.050.708	59.737.141.989



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 2008

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty”) là Tổng Công ty cổ phần hình thành trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Bảo hiểm Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 3484/QĐ-BCN ngày 30/11/2006 của Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương.

Sau khi hoàn thành quá trình cổ phần hoá, ngày 12 tháng 3 năm 2007, Bộ Tài chính đã cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam số 42 GP/KDBH.

Tổng Công ty chính thức hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 có thời hạn hoạt động là vô hạn.

Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 của Tổng Công ty là 890.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần của Tổng Công ty là 89.000.000, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Các công ty thành viên và công ty liên kết

Tổng Công ty có Văn phòng II tại thành phố Hồ Chí Minh và 23 Công ty Bảo hiểm Dầu khí (“PVI”) khu vực như sau:

PVI Thăng Long	PVI Tp Hồ Chí Minh	PVI Đà Nẵng	PVI Vũng Tàu
PVI Đông Đô	PVI Sài Gòn	PVI Bắc Trung Bộ	PVI Đồng Nai
PVI Hà Nội	PVI Bình Dương	PVI Nam Trung Bộ	PVI Tây Nam
PVI Nam Sông Hồng	PVI Sông Tiền	PVI Thanh Hoá	PVI Cà Mau
PVI Bắc Sông Hồng	PVI Tây Nguyên	PVI Khánh Hoà	PVI Duyên Hải
PVI Quảng Ninh	PVI Hải Dương	PVI Hùng Vương	

Tổng Công ty hiện có 2 công ty liên kết:

Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển PVI (PVI Invest)

Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Bảo hiểm Dầu khí (PVI Finance).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm các dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm phi nhân thọ, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần chênh lệch giá trị tài sản do xác định lại giá trị doanh nghiệp. Phần chênh lệch này Tổng Công ty chưa thực hiện trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Đối với những chứng khoán niêm yết, Tổng Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá đóng cửa tại ngày cuối năm. Những chứng khoán giao dịch trên thị trường tự do Tổng Công ty không trích lập dự phòng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007, Tổng Công ty được miễn thuế trong hai năm đầu từ khi bắt đầu hoạt động. Năm 2007 là năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không hạch toán khoản thuế hoãn lại nào trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007, Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Công văn số 17287/BTC-BH ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, theo đó:

Dự phòng phí: mức trích lập dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá được tính bằng 25% mức phí giữ lại trong năm và bằng 50% mức phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm: Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo, dự phòng bồi thường được trích lập dựa theo tỷ lệ thống kê trong 3 năm liên tiếp.

Dự phòng dao động lớn: được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 5% phí giữ lại trong năm. Năm 2006, Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ 25% phí giữ lại đối với tất cả các nghiệp vụ. Sự thay đổi tỷ lệ làm chi phí dự phòng dao động lớn năm 2007 giảm với số tiền là 106.282.840.974 đồng.

Tuy nhiên, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để: trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ phúc lợi, khen thưởng; trích Quỹ thưởng ban điều hành; trích Quỹ đầu tư phát triển... Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã có hiệu lực và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều năm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm:

Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Đối với các hoạt động khác:

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như cho thuê nhà, lãi đầu tư tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở tỷ lệ hoa hồng theo quy định của Bộ Tài chính với các khoản doanh thu phát sinh được khai thác qua đại lý bảo hiểm.

Các chi phí khác được ghi nhận khi phát sinh.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2007	31/12/2006
	VND	VND
Chứng khoán ngắn hạn	219.474.361.692	158.374.692
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	1.409.200.000.000	582.000.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn (*)	522.000.000.000	-
Công trái giáo dục	5.200.000.000	-
Trái phiếu	30.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (**)	(12.904.381.692)	-
	<u>2.172.969.980.000</u>	<u>582.158.374.692</u>

(*) Bao gồm hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI và Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Bảo hiểm Dầu khí, theo hợp đồng ủy thác, Tổng Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được trích lập cho những chứng khoán đang niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2007. Tại ngày lập Báo cáo tài chính (ngày 4/2/2008), giá chứng khoán tiếp tục điều chỉnh giảm so với ngày 31/12/2007 do đó giá trị khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty giảm thêm là 31.031.588.692 đồng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2007	31/12/2006
	VND	VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	85.038.530.311	20.108.667.522
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	19.149.677.803	5.558.583.520
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	90.531.794.966	25.681.528.942
Phải thu về hoạt động tài chính (*)	132.864.093.971	40.317.030.591
Các khoản phải thu khác của khách hàng	4.474.860.744	240.223.020
	<u>332.058.957.795</u>	<u>91.906.033.595</u>

(*) Phải thu về hoạt động tài chính bao gồm phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi công trái, trái phiếu và tiền bán các khoản đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

MẪU B 09-DNBH

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2007	44.364.308.084	10.644.629.608	13.661.423.728	68.670.361.420
Tăng	-	9.553.447.186	10.088.485.667	19.641.932.853
Tại ngày 31/12/2007	44.364.308.084	20.198.076.794	23.749.909.395	88.312.294.273
KHẤU HAO				
Tại ngày 01/01/2007	11.195.045.861	5.972.018.221	6.973.755.989	24.140.820.071
Trích khấu hao	1.936.804.625	2.077.503.863	4.381.928.579	8.396.237.067
Tại ngày 31/12/2007	13.131.850.486	8.049.522.084	11.355.684.568	32.537.057.138
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2007	31.232.457.598	12.148.554.710	12.394.224.827	55.775.237.135
Tại ngày 31/12/2006	33.169.262.223	4.672.611.387	6.687.667.739	44.529.541.349

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm toà nhà tại số 20 đường Phạm Ngọc Thạch, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng như một bất động sản đầu tư với mục đích cho thuê. Nguyên giá của toà nhà này là 21.726.000.000 đồng, toà nhà được khấu hao trong 25 năm. Tiền thuê thu được trong năm 2007 là 1.448.951.986 đồng (năm 2006: 1.619.046.000 đồng).

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác (*)	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2007	1.102.418.600	213.785.395.213	214.887.813.813
Tăng	2.994.125.690	-	2.994.125.690
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/2007	4.096.544.290	213.785.395.213	217.881.939.503
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2007	331.549.423	-	331.549.423
Khấu hao trong năm	881.138.115	-	881.138.115
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/2007	1.212.687.538	-	1.212.687.538
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2007	2.883.856.752	213.785.395.213	216.669.251.965
Tại ngày 31/12/2006	770.869.177	213.785.395.213	214.556.264.390

(*) Căn cứ Quyết định số 3434/QĐ-BCN ngày 30/11/2006 của Bộ Công Nghiệp, giá trị thực tế của Công ty Bảo hiểm Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại thời điểm 31/12/2005 để cổ phần hóa là 676.170.588.340 đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn Nhà nước là 362.812.218.470 đồng. Giá trị ghi sổ của phần vốn Nhà nước tại ngày 31/12/2005 là 149.026.823.257 đồng. Chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại thời điểm 31/12/2005 với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khác theo quy định tại Thông tư số 40/2004/TT-BTC ngày 13/5/2004 của Bộ Tài chính về "hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần" và không trích khấu hao. Mặc dù vậy, việc ghi nhận tài sản cố định vô hình này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 hướng dẫn về kế toán tài sản cố định vô hình. Tổng Công ty đã có công văn gửi Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn về hạch toán và khấu hao đối với khoản chênh lệch này. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Bộ Tài chính chưa có văn bản trả lời. Theo đó, nếu Bộ Tài chính trả lời thì Tổng Công ty có thể phải thực hiện phân bổ hoặc khấu hao làm cho chi phí trong kỳ tăng lên và lãi giảm tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2007	31/12/2006
	VND	VND
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển PVI	41.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	84.000.000.000	-
Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	89.397.112	-
	125.489.397.112	-

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2007 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển PVI	Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam	30	30	Kinh doanh bất động sản và các dịch vụ tư vấn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (*)	Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam	28	28	Dịch vụ tài chính và đầu tư

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí mới thành lập trong tháng 11/2007 và chưa lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động đầu tiên. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng không có tổn thất đáng kể nào cần phải lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	280.375.141.096	103.619.000.000
Công trái giáo dục	5.000.000.000	10.200.000.000
Trái phiếu	97.150.000.000	37.150.000.000
Tiền gửi dài hạn tại các tổ chức tín dụng	-	4.000.000.000
Uỷ thác đầu tư	9.992.460.000	-
Khác	13.396.953.055	18.001.585.033
	405.914.554.151	172.970.585.033

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2007	31/12/2006
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	17.588.886.081	6.224.961.624
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	26.245.973.304	231.242.527
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	10.407.162.200	1.999.575.691
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	74.971.154.709	60.571.084.389
Các khoản phải trả khác cho người bán	12.428.018.795	2.844.958.838
	141.641.195.089	71.871.823.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	41.412.887.557	37.637.904.489
Phải trả khác	6.395.233.154	5.149.495.703
	47.808.120.711	42.787.400.192

(*) Bao gồm khoản nộp thừa lợi nhuận năm 2006 cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là 2.881.550.569 đồng và lãi phải trả về số tiền bán cổ phần lần đầu chậm nộp cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 44.294.438.126 đồng theo Nghị quyết số 872/NQ-DKVN của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 4/2/2008.

Số liệu năm 2006 là số lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ phải chuyển về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

12. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	01/01/2007	Trích bổ sung trong năm	Sử dụng trong năm	31/12/2007
Dự phòng phí	153.796.630.350	89.589.195.719	-	243.385.826.069
Dự phòng bồi thường	41.166.720.916	2.458.840.397	-	43.625.561.313
Dự phòng dao động lớn	150.906.767.406	26.578.878.215	36.672.756.894	140.812.888.727
	345.870.118.672	118.626.914.331	36.672.756.894	427.824.276.109

Đơn vị: VND

13. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	2.137.111.896.876	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	17.206.000	17.206.000
	2.137.129.102.876	17.206.000

(*) Theo Quyết định số 0599/QĐ-BCT ngày 24 tháng 1 năm 2008 của Bộ Công thương về phê duyệt quyết toán công tác cổ phần hóa của Công ty Bảo hiểm Dầu khí, số tiền Tổng Công ty phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là 2.137.111.896.876 đồng, số tiền này được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác quản lý vốn cho Tổng Công ty để đầu tư bắt đầu từ ngày 01/01/2008 với thời hạn 3 năm và lãi suất ủy thác thỏa thuận theo Hợp đồng ủy thác quản lý vốn giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM DẦU KHÍ VIỆT NAM
154 Nguyễn Thái Học, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

14. NGUỒN VỐN

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2006	447.285.956.076	-	213.785.395.213	33.949.507.075	10.911.228.955	7.026.720.832	-	3.011.500.000	2.245.592.248	718.215.900.399
Điều chuyển quỹ cổ phần hóa (a)	(447.285.956.076)	-	(213.785.395.213)	(33.949.507.075)	(10.911.228.955)	(7.026.720.832)	-	(3.011.500.000)	-	(715.970.308.151)
Vốn góp	890.000.000.000	663.000.273.800	-	-	-	-	-	-	-	1.553.000.273.800
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	250.054.278.534	-	-	250.054.278.534
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (b)	-	-	-	-	-	12.498.244.071	(37.498.244.071)	-	25.000.000.000	(34.986.000.000)
Chi cô tức cho cổ đông (b)	-	-	-	-	-	-	(34.986.000.000)	-	120.050.000	120.050.000
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(16.040.095.792)	(16.040.095.792)
Chi trả từ các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	11.325.546.456	11.325.546.456
Tại ngày 31/12/2007	890.000.000.000	663.000.273.800	-	-	-	12.498.244.071	177.570.034.463	-	-	1.754.394.098.790

Đơn vị: VND

Ghi chú:

(a): Khi cổ phần hóa, toàn bộ số dư nguồn vốn và các quỹ (trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi) của Công ty Bảo hiểm dầu khí Việt Nam được phân loại sang khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(b): Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 7% vốn điều lệ tại thời điểm tạm ứng (500 tỷ đồng) và tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 25 tỷ đồng, việc quyết định số tiền trích các quỹ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

